TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2022/QĐST-DS	K, ngày 01 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn* : **Công Ty cổ phần S**

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – chức vụ: Phó Tổng giám đốc. Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn R** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp Ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị G – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Bùi Trọng P sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 190/11, đường T, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Huỳnh Thiện L – sinh năm 1954.

Đia chỉ: Số 15, đường H, khu phố 2, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông Võ Văn Đ – sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Nguyễn Văn P – sinh năm 1969 (đã chết)

Đại diện người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

Bà Lê Thị Xuân T – sinh năm1969,vợ ông P,

Địa chỉ: Lô 2, đường A, P B, TP G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyễn Lê Quốc Đ – sinh năm 1991,con ông P

Nguyễn Lê Nam P (con ông P, còn nhỏ)

Cùng địa chỉ: Lô 2, đường A, P B, TP G, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 26/8/2009 UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 2025/QĐ-UBND về việc giao đất cho Cty CP S để thực hiện dự án nuôi tôm công nghiệp với diện tích là 4.183.913,9 m^2 theo giấy chứng nhận số AP 990392 cấp ngày 12/10/2009. Nay công ty yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn R và bà Mai Thị G trả lại các diện tích đất như sau:

Đất của ông Nguyễn Văn P đã được công ty bồi hoàn và quy hoạch nuôi tôm công nghiệp bị ông R, bà G bao chiếm 47.880 m^2. Thửa đất được đo đạc thực tế có các điểm như sau: Điểm 1 - 2 = 85,86 m, điểm 2 - 3 = 624,76 m, điểm 3 - 4 = 58,64 m; điểm 4 - 5 = 171,50 m, điểm 5 - 6 = 39,27 m, điểm 1 - 6 = 455,41 m.

Đất của ông Võ Văn Đ đã được công ty bồi hoàn và quy hoạch nuôi tôm công nghiệp bị ông R, bà G bao chiếm 45.397 m^2. Thửa đất được đo đạc thực tế có các điểm như sau: Điểm 14 - 15 = 80,44 m, điểm 15 - 16 = 587,82 m, điểm 16 - 17 = 82,89 m; điểm 17 - 14 = 595,89 m.

Đất của ông Huỳnh Thiện L đã được công ty bồi hoàn và quy hoạch nuôi tôm công nghiệp bị ông R, bà G bao chiếm 40.662 m^2. Thửa đất được đo đạc thực tế có các điểm như sau: Điểm 7 - 12 = 81 m, điểm 12 - 13 = 571,72 m, điểm 13 - 8 = 68,09 m; điểm 8 - 7 = 560,73 m.

Đất của ông Bùi Trọng P đã được công ty bồi hoàn và quy hoạch nuôi tôm công nghiệp bị ông R, bà G bao chiếm 51.431,6 m^2. Thửa đất được đo đạc thực tế có các điểm như sau: Điểm 2 - 7 = 97,18 m, điểm 7 - 8 = 560,73 m, điểm 8 - 9 = 28,78 m; điểm 9 - 10 = 7,97 m, điểm 10 - 11 = 67,64 m, điểm 11 - 2 = 540,58 m.

Các thửa đất trên được đo đạc theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2020, đất cùng tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Trần Văn R và bà Mai Thị G thống nhất giao trả các phần đất trên cho ông Ty Cổ phần S.

Việc hỗ trợ di dời và công cải tạo đất các bên tự thương lượng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí xem xét tại chổ và đo vẽ là 13.796.000đ (mười ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn). Công Ty cổ phần S tư nguyện nộp hết khoản tiền trên (đã nộp xong).

Về án phí: Án phí DSST là 150.000 đồng. Công ty cổ phần S tự nguyện chịu hết và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000040;0000041;0000042ngày 09/01/2020 và biên lai số 0009983 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K (tổng số tiền án phí tạm nộp là 1.200.000đồng), số tiền còn thừa Công ty cổ phần S được nhận lại là1.050.000đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. K;
- Chi Cục T. H.A DS H KL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Diễm